

Số: 10 /TB-ĐHTDM-HĐTSĐH

Bình Dương, ngày 20 tháng 7 năm 2023

THÔNG BÁO

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn) nhận hồ sơ xét tuyển bằng kết quả thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 theo tổ hợp môn hệ đại học chính quy năm 2023

Tên trường: Trường Đại học Thủ Dầu Một

Mã trường: TDM

Loại hình trường: Công lập (đa ngành)

1. Mã phương thức tuyển sinh: 100 - Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT
2. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương và có kết quả thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023.
3. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.
4. Chỉ tiêu tuyển sinh: 30% tổng chỉ tiêu của từng ngành.
5. Các ngành tuyển sinh năm 2023: (Xem phụ lục 1)
6. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn nhận hồ sơ): (Xem phụ lục 1)
7. Số lượng nguyện vọng ĐKXT: (Xem phụ lục 1)
8. Nguyên tắc xét tuyển: (Xem phụ lục 1)
9. Điều kiện phụ trong xét tuyển: (Xem phụ lục 1)
10. Mức điểm ưu tiên: (Xem phụ lục 1)
11. Thời gian nhận hồ sơ, hướng dẫn nộp hồ sơ và lệ phí xét tuyển: (Xem phụ lục 2)
12. Học phí năm học 2023 – 2024: (Xem phụ lục 3).

Địa chỉ liên hệ:

Trung tâm Tuyển sinh - Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Địa chỉ: Số 6 Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Website: <http://tuyensinh.tdmu.edu.vn> Email: tuyensinh@tdmu.edu.vn

Fanpage: www.facebook.com/dhtdm2009 - Hotline: 19009171

Nơi nhận:

- HT; PHT;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Hội đồng tuyển sinh;
- Website Trường;
- Lưu: VT, TTTS.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CHỦ TỊCH



TS. Nguyễn Quốc Cường

Phụ lục 1

Các ngành tuyển sinh năm 2023, Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn nhận hồ sơ), Số lượng nguyện vọng ĐKXT, Nguyên tắc xét tuyển và Điều kiện phụ trong xét tuyển

(Kèm theo Thông báo số: *70* /TB-ĐHTDM-HĐTSĐH ngày *20* tháng *7* năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. Các ngành, tổ hợp và mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp xét tuyển	Tổng chỉ tiêu	Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn)
1	Quản trị Kinh doanh	7340101	A00, A01, D01, A16	289	18
2	Marketing	7340115	A00, A01, D01, A16	25	18
3	Kế toán	7340301	A00, A01, D01, A16	193	17
4	Kiểm toán	7340302	A00, A01, D01, A16	20	18
5	Thương mại điện tử	7340122	A00, A01, D01, D07	25	18
6	Tài chính - Ngân hàng	7340201	A00, A01, D01, A16	213	17
7	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00, A01, D01, D90	136	18
8	Công nghệ Thông tin	7480201	A00, A01, C01, D90	220	18
9	Kỹ thuật Phần mềm	7480103	A00, A01, C01, D90	55	16
10	Kỹ thuật Điện	7520201	A00, A01, C01, D90	100	16
11	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	7520216	A00, A01, C01, D90	90	16
12	Kỹ thuật Cơ điện tử	7520114	A00, A01, C01, D90	50	16
13	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	A00, A01, D01, D90	110	18
14	Kỹ thuật Xây dựng	7580201	A00, A01, C01, D90	80	16
15	Kiến trúc	7580101	V00, V01, A00, A16	50	16
16	Du lịch	7810101	D01, D14, D15, D78	80	17
17	Ngôn ngữ Anh	7220201	D01, A01, D15, D78	239	18
18	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	D01, D04, A01, D78	42	18
19	Luật	7380101	C14, C00, D01, A16	182	18
20	Quản lý Nhà nước	7310205	C14, C00, D01, A16	170	17
21	Quan hệ quốc tế	7310206	A00, C00, D01, D78	70	15.5
22	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	7850101	A00, D01, B00, B08	70	15.5
23	Công nghệ Sinh học + Chuyên ngành 1: Công nghệ sinh học công nghiệp thực phẩm + Chuyên ngành 2: Công nghệ sinh học nông nghiệp	7420201	A00, D01, B00, B08	50	15.5
24	Công tác Xã hội	7760101	C00, D01, C19, C15	40	15.5

25	Tâm lý học	7310401	C00, D01, C14, B08	60	15.5
26	Hóa học + Chuyên ngành 1: Hóa thực phẩm + Chuyên ngành 2: Hóa phân tích	7440112	A00, B00, D07, A16	50	15.5
27	Toán học	7460101	A00, A01, D07, A16	30	15.5
28	Thiết kế đồ họa	7210403	V00, V01, A00, D01	32	15.5
29	Công nghệ thực phẩm	7540101	A00, A02, B00, B08	85	17
30	Quản lý đất đai	7850103	A00, D01, B00, B08	70	15.5
31	Kỹ thuật Môi trường	7520320	A00, D01, B00, B08	15	15.5
32	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	D01, A01, D15, D78	60	15.5
33	Truyền thông đa phương tiện	7320104	C00, D01, D09, V01	70	18
34	Quản lý công nghiệp	7510601	A00, A01, C01, A16	54	18
35	Giáo dục Tiểu học	7140202	A00, C00, D01, A16	150	Sẽ công bố sau khi Bộ GD&ĐT công bố điểm sàn nhận hồ sơ đối với các ngành đào tạo giáo viên
36	Giáo dục Mầm non	7140201	M00, M05, M07, M11	70	
37	Sư phạm Ngữ Văn	7140217	C00, D01, D14, C15	60	

BẢNG MÃ TỔ HỢP

Mã	Tên môn tổ hợp
A00	Toán, Vật lý, Hóa học
A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh
A02	Toán, Vật lý, Sinh học
A16	Toán, Ngữ văn, Khoa học Tự nhiên
B00	Toán, Hóa học, Sinh học
B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh
C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí
C01	Ngữ văn, Toán, Vật lý
C14	Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân
C15	Ngữ văn, Toán, Khoa học xã hội
C19	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân
D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
D04	Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung

Mã	Tên môn tổ hợp
D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh
D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh
D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
D78	Ngữ văn, Tiếng Anh, Khoa học xã hội
D90	Toán, Tiếng Anh, Khoa học Tự nhiên
M00	Ngữ văn, Toán, Năng khiếu
M05	Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu
M07	Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu
M11	Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu
V00	Toán, Vật lý, Năng khiếu
V01	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu

2. Đối với các tổ hợp có môn năng khiếu

Stt	Ngành	Môn thi năng khiếu
1	Giáo dục Mầm non	Hát; đọc kể chuyện diễn cảm
2	Kiến trúc, Thiết kế đồ họa, Truyền thông đa phương tiện	Vẽ tĩnh vật (vẽ bằng viết chì)

Thí sinh đã dự thi năng khiếu tại Trường Đại học Thủ Dầu Một (đã tổ chức thi vào ngày 08/7/2023) hoặc dự thi năng khiếu tại các trường đại học khác, lấy kết quả nộp về Trường Đại học Thủ Dầu Một trước ngày 10/7/2023

3. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn): Thí sinh có tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (nếu có) theo thang điểm 30 bằng hoặc cao hơn mức điểm của Trường công bố tại mục 1 phụ lục 1 của thông báo này là đủ điều kiện nộp hồ sơ ĐKXT.

4. Số lượng nguyện vọng ĐKXT: Thí sinh được đăng ký nguyện vọng vào nhiều ngành, nhiều trường khác nhau không hạn chế số lượng, nhưng phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

5. Nguyên tắc xét tuyển: Điểm trúng tuyển được xét theo từng ngành, xét kết quả từ cao xuống cho đến khi đủ chỉ tiêu. Điểm trúng tuyển là tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (nếu có) theo thang điểm 30, không nhân hệ số. Thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký.

6. Điều kiện phụ trong xét tuyển: Trong trường hợp có nhiều thí sinh trúng tuyển hơn chỉ tiêu của ngành theo quy định, thì sử dụng tiêu chí phụ là xét trúng tuyển theo kết quả môn Toán (nếu là tổ hợp bài/môn thi có môn Toán), môn Ngữ văn (nếu là tổ hợp bài/môn thi có môn Ngữ văn) và môn Toán (nếu là tổ hợp bài/môn thi có môn Toán và Ngữ văn) từ cao xuống cho đến đủ chỉ tiêu.

7. Điểm ưu tiên: Điểm ưu tiên là mức điểm được cộng thêm vào tổng điểm thực tế của thí sinh khi tham gia xét tuyển. Có 2 loại điểm ưu tiên theo quy định của Bộ GD&ĐT là điểm ưu tiên khu vực và điểm ưu tiên đối tượng.

ĐIỂM ĐƯỢC CỘNG CHO PHƯƠNG THỨC	ĐIỂM KHU VỰC				ĐIỂM ĐỐI TƯỢNG	
	KV1	KV2-NT	KV2	KV3	01 - 04	05 - 07
Xét điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT	0,75	0,5	0,25	0	2	1

8. Quy định của Bộ GD&ĐT về hưởng chính sách ưu tiên

- Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại mục 7 phụ lục 1 này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.
- Từ năm 2023, thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.
- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được}) / 7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định mục 6 phụ lục 1}$

9. Tra cứu khu vực ưu tiên và đối tượng ưu tiên

+ Tra cứu tại:

<https://tuyensinh.tdmu.edu.vn/News/Detail/2850>

+ Hoặc quét mã QR để tra cứu



PHỤ LỤC 2

Thời gian nộp hồ sơ và hướng dẫn nộp hồ sơ

(Kèm theo Thông báo số: 40 /TB-ĐHTDM-HĐTSĐH ngày 20 tháng 7 năm 2023
của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. Thời gian đăng ký nguyện vọng: Từ ngày 10/7/2023 đến 17h00 ngày 30/7/2023.
2. Cách thức đăng ký nguyện vọng: Thí sinh truy cập vào tài khoản đã được cấp tại: <http://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn> để thực hiện đăng ký nguyện vọng.
3. Nộp lệ phí xét tuyển: Từ ngày 31/7/2023 đến 17h00 ngày 06/08/2023 thí sinh phải nộp lệ phí xét tuyển theo số lượng NVXT bằng hình thức trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ GDĐT trên hệ thống đăng ký nguyện vọng.
4. Thời gian công bố kết quả trúng tuyển: Trước 17h00 ngày 22/8/2023 Trường đại học Thủ Dầu Một công bố kết quả trúng tuyển tại: website <http://tuyensinh.tdmu.edu.vn>. Thí sinh trúng tuyển Nhà trường sẽ thông báo bằng tin nhắn SMS tới số điện thoại mà thí sinh đã đăng ký.
5. Thời gian nhận “Giấy báo trúng tuyển”: Thí sinh sẽ nhận trực tiếp tại Trường khi đến làm thủ tục nhập học.
6. Thời gian nhập học: Từ ngày 23/8/2023 đến 17h00 ngày 06/9/2023.
7. Hồ sơ và thủ tục nhập học: Nhà trường sẽ thông báo và hướng dẫn chi tiết tại: website <http://tuyensinh.tdmu.edu.vn>.

PHỤ LỤC 3

Học phí năm học 2023 – 2024

(Kèm theo Thông báo số: 10 /TB-ĐHTDM-HĐTSĐH ngày 20 tháng 7 năm 2023
của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Thủ Dầu Một)

Học phí năm học 2023 – 2024: Học phí thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ đối với Trường đại học công lập tự chủ chi thường xuyên, cụ thể:

Stt	Khối ngành	Mức thu học phí theo tín chỉ (đồng/tín chỉ)
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	625.000
2	Nhân văn, Khoa học xã hội và hành vi, Dịch vụ xã hội, Môi trường và Bảo vệ môi trường, Nghệ thuật	600.000
3	Khoa học tự nhiên	675.000
4	Toán và Thống kê, Máy tính và Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật, Kỹ thuật, Sản xuất và Chế biến, Kiến trúc và xây dựng	725.000
5	Các học phần Kiến thức chung	600.000

* Đối với các ngành sư phạm: Học phí thực hiện theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP của Chính phủ.